

PHẦN I: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Số CAS: 1344-09-8

Số UN: 3266

Số đăng ký EC: 215-687-4

Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại :

HMIS (U.S.A)

- Nguy hiểm đến sức khỏe : 3

- Nguy hiểm về cháy : 0

- Độ hoạt động : 1

- Biện pháp bảo vệ cá nhân: E

- Tên thường gọi của chất: Silicat

- Tên thương mại: Sodium Silicate

- Mã sản phẩm : Na₂SiO₃

- Mục đích sử dụng: sử dụng trong các ngành công nghiệp tẩy rửa, chất kết dính, dệt nhuộm, giấy...

**LOC THIEN CO., LTD**

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LỘC THIÊN

452/6b Tỉnh Lộ 10, Phường Bình Trị Đông ,
 Quận Bình Tân, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 6269 5669 / 028 6268 5662

PHẦN II: THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT**Tên thành phần nguy hiểm**

Sodium Silicate

Số CAS

1344-09-8

Công thức hóa họcNa₂O.xSiO₂ + H₂O**Hàm lượng (%)
theo trọng lượng)**

20 - 60 %

PHẦN III: NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT**1. Mức xếp loại nguy hiểm :**

❖ Theo GHS:

a. Nguy hiểm về vật lý

Xếp loại nguy hiểm	Phân loại	Hình đồ cảnh báo	Tên hình đồ	Từ cảnh báo	Cảnh báo nguy cơ
Ăn mòn kim loại	Loại 1 (Theo bảng 28-Phụ lục 1 Thông tư số: 04/2012/TT-BCT)		Ăn mòn	Cảnh báo	Có thể ăn mòn kim loại

a. Nguy hiểm về sức khỏe:

Xếp loại nguy hiểm	Phân loại	Hình đồ cảnh báo	Tên hình đồ	Từ cảnh báo	Cảnh báo nguy cơ
Độc cấp tính	Cấp 4 (Theo bảng 1- Phụ lục 2 Thông tư số: 04/2012/TT-BCT LD ₅₀ = 2000)		Dấu chấm than	Cảnh báo	Có hại nếu tiếp xúc với da, nuốt, hít phải
Ăn mòn/kích ứng da	Cấp 1 A (Theo bảng 5- Phụ lục 2 Thông tư số: 04/2012/TT-BCT)		Ăn mòn	Nguy hiểm	Gây bỏng da nghiêm trọng và hỏng mắt

b. Nguy hiểm đối với môi trường

Xếp loại nguy hiểm	Phân loại	Hình đồ cảnh báo	Tên hình đồ	Từ cảnh báo	Cảnh báo nguy cơ
Gây nguy hiểm đối với môi trường nước	Cấp 3 (Theo bảng 34-Phụ lục 2 Thông tư số: 04/2012/TT-BCT EC50 = 3185)	Không sử dụng hình đồ cảnh báo	Không sử dụng tên hình đồ cảnh báo	Không sử dụng từ cảnh báo	Có hại đối với sinh vật thủy sinh

❖ Theo EU:

C: ăn mòn

R38 : kích ứng da

R41 : ăn mòn gây tổn thương nghiêm trọng cho mắt

S26 : Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, rửa sạch ngay thật nhiều với nước và tìm tư vấn y tế.

S 36/37/39: Mặc quần áo bảo hộ lao động, găng tay, kính khi tiếp xúc

2. Cảnh báo nguy hiểm :

- Kích ứng, ăn mòn da. Ăn mòn niêm mạc gây tổn thương nghiêm trọng cho mắt
- Sử dụng BHLĐ khi tiếp xúc với Silicat.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt : gây đau rất mạnh, có thể dẫn đến tình trạng làm hư hỏng mắt.
- Đường thở : rất ít xảy ra trừ khi sản phẩm ở dạng hạt sương do quá trình xịt, phun. Trong trường hợp hít vào sẽ gây ra tình trạng đau rất cho hệ hô hấp.
- Đường da : Kích ứng, gây ngứa ngáy.
- Đường tiêu hóa : Ăn mòn, đau.

HOA CHAT LOC THIEN

PHẦN IV: BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt) :**
 - Ngay lập tức rửa thật kỹ mắt với nước trong 15 phút
 - Đưa đến cơ quan y tế gần nhất.
- 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da) :**
 - Cởi bỏ ngay quần áo, đồ bảo hộ khi bị dính dung dịch.
 - Rửa với thật nhiều nước.
- 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)**
 - Đưa nạn nhân đến vùng có không khí trong lành.
 - Hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân ngừng thở.
 - Cung cấp Oxy khi nạn nhân thở khó khăn (nhân viên y tế thực hiện).
 - Đưa đến cơ quan y tế gần nhất.
- 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất)**
 - Không gây nôn trừ khi có sự chỉ dẫn của nhân viên y tế.
 - Không cho nạn nhân uống bất cứ cái gì khi nạn nhân bất tỉnh.
 - Nói lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng.
 - Đưa đến cơ quan y tế gần nhất.
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có) :**

PHẦN V: BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Xếp loại về tính cháy :** Dung dịch Silicat là dạng sản phẩm không cháy, nổ
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy :** Không
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ :** Không
- 4. Phương tiện phòng cháy chữa cháy:** không thích hợp.

PHẦN VI: BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- 1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ :**
 - Kiểm soát ngay tại nguồn phát sinh
 - Thu gom chất lỏng rò rỉ hay bị đổ ra vào các thùng chứa càng nhanh càng tốt. Sau đó rửa sạch bằng nhiều nước. Thu gom lượng nước này vào hồ xử lý nước thải
- 2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng :**
 - Tìm cách thông gió khu vực bị tràn / rò rỉ Silicat
 - Ngăn cấm những người không có nhiệm vụ và không có phương tiện bảo hộ đi vào khu vực ô nhiễm.
 - Không sử dụng nước để dội và thải Silicat xuống hệ thống cống thoát.
 - Tìm cách ngăn không để Silicat tràn ra khỏi bờ bao, tìm cách cách ly khu vực bị tràn hóa chất với các khu vực khác bằng cách đặt bồn chứa tạm, bơm để thu hồi Silicat bên trong bờ bao.
 - Phân Silicat dư có thể pha loãng bằng nước.
 - Hấp thu phần chất lỏng sau khi trung hòa còn lại bằng các hợp chất như : đất sét, đất khoáng hay bất kỳ hợp chất tro nào khác. Sau đó, bao gói phần chất rắn này và đem thải bỏ vào khu vực chứa chất thải hóa chất nguy hại.
 - Việc hủy chất thấm chứa Silicat đã bị trung hòa phải tuân theo qui định của Nhà nước.

PHẦN VII: YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

- 1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm :**
 - Tránh sự tiếp xúc trực tiếp với da và mắt.
 - Rửa tay trước khi ăn và sau khi hoàn tất công việc.
 - Có biển cảnh báo hóa chất ăn da ở khu vực có Silicat và tại các van thường xuyên thao tác.
 - Tuân thủ các qui trình, thao tác khi vận hành và khi lấy mẫu.
- 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản :**
 - Để trong phòng thông gió tốt. Bảo quản mát. Khô
 - Đóng gói trong bình, bao bì kín
 - Tránh để gần các loại dung dịch có tính axit.
 - Vật liệu sử dụng thích hợp : vật liệu PP, PVC cứng, ETFE, thép không gỉ
 - Vật liệu sử dụng không tương thích : Kẽm, Thiếc, Nhôm, đồng và hợp kim của chúng.

PHẦN VIII: TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN**1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết :**

- Có biện pháp thông gió, sử dụng quạt hút khi làm việc với Silicat

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc :

- Khẩu trang : Bảo vệ đường hô hấp khi tiếp xúc với dung dịch
- Bảo vệ Bàn tay : găng tay chịu được dung dịch kiềm (cao su tự nhiên).
- Bảo vệ Mắt : đeo mắt kính bảo hộ lao động
- Bảo vệ Da : trang bị quần áo bảo hộ..

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố : mặt nạ phòng độc có hộp lọc, kính bảo vệ mắt, quần áo BHLĐ, ủng, găng tay cao su, tạp dề chống hóa chất.

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)**PHẦN IX: ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT**

Trạng thái vật lý : Dạng lỏng

Màu sắc : Không màu đến trong mờ

Mùi đặc trưng : không mùi

Áp suất hơi (mmHg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : chưa có thông tin

Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : chưa có thông tin

Độ hòa tan trong nước : hoàn toàn

Độ PH : 11 ÷ 13 (dung dịch 1 %)

Khối lượng riêng: $d_{20^{\circ}\text{C}} = 1,4 - 1,6 \text{ g/ml}$

Điểm sôi ($^{\circ}\text{C}$) : 100°C

Điểm nóng chảy ($^{\circ}\text{C}$) : không phù hợp

Điểm bùng cháy ($^{\circ}\text{C}$) (Flash point) theo phương pháp xác định : không phù hợp

Nhiệt độ tự cháy ($^{\circ}\text{C}$) : không phù hợp

Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) : không phù hợp

Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) : không phù hợp

Tỷ lệ hoá hơi : chưa có thông tin

Các tính chất khác nếu có :

Độ nhớt dung dịch từ 10 đến 10.000 mPas

PHẦN X: MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT**1. Tính ổn định :**

- Rất ổn định

2. Khả năng phản ứng:

- Vật liệu không tương thích: Tránh tiếp xúc với Nhôm, Kẽm, Thiếc, đồng và những hợp kim của chúng.
- Những sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Tạo ra khí độc nhẹ nếu để dung dịch tiếp xúc với nguyên liệu không tương thích ở trên. Tạo phản ứng tỏa nhiệt với axit.

PHẦN XI: THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Sodium Silicate	LD50 LC50	> 2000 mg/kg	Da	chuột
			Không phù hợp	

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen...): không được phân loại là chất gây ung thư theo OSHA, ACGIH

2. Các ảnh hưởng độc khác : chưa có thông tin

PHẦN XII: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**1. Độc tính với sinh vật**

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Sodium Silicate	Cá Vi khuẩn EC50 Daphnia EC50		3185 mg/lit > 1000 mg/lit 4857 mg/lit

2. Tác động trong môi trường:

- Quá trình biến đổi: không.
- Quá trình phân hủy sinh học: không tác dụng lên hợp chất vô cơ
- Quá trình tích tụ: không.

PHẦN XIII: YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

- Thông tin quy định tiêu hủy :** pH trong nước thải từ 6 ÷ 9 được quy định tại Quy chuẩn Việt Nam QCVN 40:2011/BTNMT
- Xếp loại nguy hiểm của chất thải :** chưa có thông tin
- Biện pháp tiêu hủy :** Trung hòa trước khi thải ra môi trường
- Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý :** nước thải đã trung hòa

PHẦN XIV: YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.	3266		8	II	Có	
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...	3266		8	II		

PHẦN XV: QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

- Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới :** không
- Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký :** chưa có thông tin
- Qui chuẩn kỹ thuật tuân thủ:** chưa có thông tin.

PHẦN XVI: THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn phiếu:

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: **01/10/2024**

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LỘC THIÊN**

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.